

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ L
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 14/11/2019

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L, TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Vũ Thị Minh Huệ**

2. Ông **Phan Vũ Anh Kiệt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Mai Thị Thanh** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Lê Thị Nữ** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 240/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Anh **Trần Như T** – sinh năm 1969. (Có mặt)

- **Bị đơn:** Chị **Hồ Thị G** – sinh năm 1972. (Vắng mặt không lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn Phước Hải, xã Tân Phước, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 16.7.2019 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, anh Trần Như T – nguyên đơn trình bày:

Anh Trần Như T và chị Hồ Thị G tự nguyện chung sống với nhau vào năm 1989, đến năm 2003 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn L (cũ), nay là phường Phước Hội theo Giấy chứng nhận kết hôn số 023, quyển số 22, đăng ký ngày 20/01/2003. Vợ chồng anh T sống hạnh phúc một thời gian đầu, anh T làm nghề biển nên thường vắng nhà, chị G thì đi làm công nhân ở xa, nhà

cửa không ai trông coi, nên anh T có khuyên chị về làm gần nhà và theo anh làm lưới, nhưng chị G không đồng ý. Sau này chị G không đi làm nữa mà ở nhà, nhưng suốt ngày bấm điện thoại nói chuyện. Từ đó, anh T phát hiện chị G có tình cảm với người đàn ông khác, có lần anh đập bể điện thoại của chị G và nói mấy câu chửi chị. Thời gian sau vợ chồng anh có hòa thuận lại nhưng không được bao lâu thì nảy sinh mâu thuẫn, hiện nay chị G đã bỏ đi làm ăn xa từ năm 2017 đến nay. Anh T có liên lạc với chị G nhưng không được và chị cũng không về thăm con cái. Anh T xác định tình cảm giữa anh và chị G không còn, nên anh yêu cầu được ly hôn với chị Hồ Thị G.

Về con chung: Anh T khai có 03 con chung là Trần Như L (Giới tính: Nam), sinh năm 1990 (đang chấp hành án được 07 năm); Trần Thị Kim C, sinh năm 1993 (đã có gia đình); Trần Như H, sinh năm 1996 (làm biển). Hiện nay các con anh đã trưởng thành, anh T không yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Chị Hồ Thị G trình bày:

Chị và anh T sống chung tại nhà của mẹ chị. Thời gian anh T bị bệnh, chị và con gái có mượn nợ 60.000.000 đồng, bản thân chị thường đau bệnh, không có khả năng nuôi con và trả nợ, nên anh T phải lo. Nếu anh T chấp nhận thì chị xin vắng mặt. Chị G đồng ý ly hôn với anh T, tài sản chung không có, không yêu cầu.

Qua xác minh từ người thân phía gia đình chị G thì giữa vợ chồng chị xảy ra mâu thuẫn là do thời gian trước anh T bệnh thì chị G có chăm sóc, sau này chị G bệnh thì anh T không chăm sóc nên chị G buồn và bỏ đi làm xa để kiếm tiền chữa bệnh. Cuộc sống chung của vợ chồng T G thường cãi nhau. Chị G đi làm công nhân tại T. P gần 03 năm nay nên hai người không còn sống chung với nhau, thỉnh thoảng chị G vẫn liên lạc về gia đình và có về thăm. Gia đình có khuyên nhưng không được, việc ly hôn thì tùy vợ chồng anh T quyết định,

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật. Về thời hạn giải quyết vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Như T.
- Về con chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.
- Về án phí: Anh T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa và quan điểm của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Như T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L.

[2] Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt, triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị Hồ Thị G vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Về hôn nhân:

Xét yêu cầu ly hôn của anh Trần Như T, Hội đồng xét xử xét thấy: Quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị G là hôn nhân hợp pháp. Trong cuộc sống chung, giữa anh chị có xảy ra mâu thuẫn, anh chị đã hòa giải và gia đình có khuyên nhưng vẫn không có kết quả. Quá trình giải quyết chị G đồng ý ly hôn với anh T. Tòa án có triệu tập, niêm yết các thủ tục theo quy định của pháp luật nhưng tại phiên tòa chị G vắng mặt không lý do. Điều đó chứng tỏ giữa anh chị không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc, giữa anh T và chị G đã không còn sống chung với nhau. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa anh T và chị G đã trầm trọng, đời sống chung của vợ chồng không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Như T là phù hợp, theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Anh Trần Như T là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 262; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Trần Như T.

Anh Trần Như T được ly hôn với chị Hồ Thị G.

2. Về án phí: Anh Trần Như T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm về ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0022419 ngày 07 tháng 8 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Anh T đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/11/2019). Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Vũ Toàn

